

TIẾNG THU

Tạp văn Nguyễn Nam Trân

Riêng tặng anh Đinh Văn Thanh, người bạn chưa quen

Em không nghe mùa thu
Dưới trăng vàng thôn thức ?
Em không nghe rạo rức,
Hình ảnh kẻ chinh phu,
Trong lòng người cô phụ ?
Em không nghe rùng thu,
Lá thu kêu xào xạc,
Con nai vàng ngơ ngác,

Đạp trên lá vàng khô ? Một người thân ở Paris, gần đây có viết Mail hỏi tôi xem bài Tiếng Thu (1939) nổi tiếng của Lưu Trọng Lư (1912-1991) có lấy cảm hứng từ một bài thơ xưa của Nhật không ? Anh ấy đã đọc ở tờ báo Kỷ Nguyên Mới ở Mỹ cho biết Nhà Văn Nguyễn Vỹ có lần hỏi bạn ông là Lưu Trọng Lư về điều đó. Lưu Trọng Lư trả lời không là không nhưng Nguyễn Vỹ vẫn chưa hết mối ngờ và đem theo nó vào tận Sài Gòn.

Thực tình nếu trí nhớ chưa phản bội tôi thì chính tôi cũng đã có cơ hội đọc điều này trong mục Minh Oai của báo Phổ Thông do cô Diệu Huyền (một biệt hiệu của Nguyễn Vỹ) phụ trách. Báo Phổ Thông thời đó có vài cựu sinh viên Việt Nam tại Nhật Bản đóng góp khá thường xuyên và được quần chúng, trong số đó có tôi, khá yêu chuộng và lòng mến mộ nước Nhật của tôi cũng bắt nguồn từ đó. Giai thoại Tiếng Thu được kể ra qua cuộc đối thoại giữa Ông Tú và Bà Tú. Ông Bà Tú không phải là những nhân vật hư cấu, có chăng là...cô hàng bán vịt lộn đôi khi xuất hiện trong đó. Bà Tú là nhân vật có thực ngoài đời, em gái ông Vỹ. Ông Trần Tú, chồng bà, gốc ngoài Quảng như ông Vỹ, là một người bạn của cha tôi hồi còn ở Đơn Dương gần Đà Lạt. Một người con của hai ông bà, chị Kim Thoa, là bạn học với tôi năm lớp Nhì Tiểu Học. Theo nội dung của bài báo trên Phổ Thông thì Lưu Trọng Lư có thể đã mượn ý của một bài thơ cổ của người Nhật nhưng qua một bản dịch tiếng Pháp vì ông Lư không biết tiếng Nhật.

Tôi bèn suy ra thơ cổ của Nhật Bản thì chỉ có Tanka và tập thơ tanka căn bản phải là Kokin Waka-Shuu (Cổ Kim Hòa Ca Tập). Nhân một ngày Thứ Bảy rồi việc, tôi mới ra quán sách trong supermarket ở Tokyo đọc cộp bản của nhà Chuo Koron và tình cờ có thêm một số ít tin tức về bài Tanka liên quan xa gần đến Tiếng Thu của Lưu Trọng Lư.

Trước hết phải nói là những thông tin của Nguyễn Vỹ rất chính xác vì ông có viết âm Nhật của bài thơ bên cạnh bài báo xuất bản ở Mỹ mà người thân của tôi ở Paris đã đọc.

Nguyên tác :

Okuyama ni (Trong núi sâu) (5)

Momiji fumiwake (Đạp lên lá phong đỏ rẽ lối đi) (7)

Naku shika no (Của nai kêu) (5)

Koe kiku toki zo (Chính là khi nghe tiếng) (7)

Aki ga kanashiki (Mùa thu buồn làm sao) (7)

Chúng ta đều biết người Nhật thích thể thơ 5 chữ 7 chữ như Việt Nam thích 6, 8. Những bài hát Nhật ăn tiền bây giờ cũng theo thể 5, 7. Đọc Thơ Nhật như bài này thì nên đi ngược từ câu cuối thì mới rõ nghĩa.

Vâng, bài này đã tìm thấy trong phần Thu Ca của tập Kokin Waka Shuu (Cổ Kim Hòa Ca Tập), một tuyển tập thơ quốc âm Tanka (Đoản Ca) của Nhật. Vào đầu thời Hei-an, văn chương chữ Hán chiếm địa vị độc tôn và thơ quốc âm Waka bị đẩy lùi vào bóng tối. Thế nhưng, Waka không vì thế mà mai một hẳn, nó chỉ trở thành một hình thức thơ để tỏ tình cảm riêng tư, sinh hoạt luyện ái nam nữ hay tình tự dân gian. Tập Kokin Waka Shuu (Cổ Kim Hòa Ca Tập) là tập thơ quốc âm đầu tiên đã được soạn để tiến lên Vua theo sắc chiếu, còn được

lược xưng là Kokin Shuu (Cổ Kim Tập). Do bọn các ông Ki-no-Tsurayuki (Kỷ, Quán Chi), Ki-no-Tomonori (Kỷ, Hữu Trắc), Oshikochi-no-Mitsune (Phạm Hà Nội, Cung Hằng), Mibu-no-Tadamine (Nhiệm Sinh, Trung Lĩnh) soạn khoảng năm Engi (Diên Hỷ) thứ 5 (905) theo sắc lệnh của Thiên Hoàng (thứ 60) Daigo (Đề Hồ, trị vì 897-930). Đây là tập thi tuyển Waka đầu tiên được soạn theo chiếu chỉ và là qui phạm cho những tập soạn theo chiếu chỉ các đời sau. Thi tập này gồm 12 quyển, thu thập ước chừng trên 1100 bài thơ, có kèm hai bài tựa (Jo), một viết bằng Kana (tức bài Kanajo) do Ki-no-Tsurayuki và bài kia bằng chữ Hán (Manajo) do Ki-no-Yoshimochi (Kỷ, Thục Vọng) viết. Đặc biệt trong bài tựa viết bằng Kana, không những thuyết về sự hòa điệu giữa cái Tâm và Thi Từ mà còn chủ trương về vai trò đối đầu của Waka với thơ chữ Hán, nói lên được ý thức dân tộc của người soạn ra nó.

Kokin Waka Shuu chia thành nhiều bộ (bộ lập=budate) tùy theo chủ đề: Xuân (thượng, hạ), Hạ, Thu (thượng, hạ), Đông, Hạ (chúc tụng), Ly Biệt, Ki Lữ (lữ hành), Vật Danh, Luyện (Tình Yêu), Ai Thương, Tạt (thượng, hạ), Tạt Thê (thượng, hạ) Đại Ca Sở Ngự Ca. Về thể điệu, phần lớn là những bài ngắn (Tanka), có một ít bài dài (Choka hay Naga-uta) và thơ đối đáp (Sedoka).

Như đã nói, Bài Thơ chúng ta đang bàn đến có chép trong phần chủ đề về Mùa Thu (Thu Ca). Về tác giả, sách cho biết “không biết là ai” nhưng viết thêm “Trong tập Hyakunin Isshuu (Bách Nhân Nhất Thủ, tức một tập chọn mỗi người nổi tiếng một bài) thì bảo tác giả là Sarumaru Dayu (Viên Hoàn Đại Phu) một nhân vật truyền thuyết có tên trong 36 nhà thơ thời cổ (Tam Thập Lục Ca Tiên) đã soạn”.

Hyakunin Isshuu được nhiều người cho là công trình biên soạn của Fujiwara Sadaie (còn đọc là Teika, tức Đẳng Nguyên Định Gia) vào khoảng năm 1235 và thơ dựa trên Hyakunin Shuuka (Bách Nhân Tú Ca) tức thơ hay của trăm nhà mà ông đã chọn để viết trên giấy họa để trang trí dinh thự một vương hầu. Hyakunin Isshu (quen gọi tắt là Hyakuninshu) chọn của 100 tác giả mỗi người một bài thơ và lấy những bài đó ở các thi tập soạn theo sắc chiếu, tính từ Kokin-Waka-Shuu (Cổ Kim Hòa Ca Tập) cho đến Shoku-Gosen-Shuu (Tục-Hậu Tuyển Tập). Những bài thơ trong tập sách này đều đặc sắc nên được truyền bá rộng rãi về sau dưới mọi hình thức nghệ thuật. Chẳng hạn vào đầu thời Edo, có trò chơi Utagaruta (Ca Gia Lưu Đa) tức trò chơi “ai nhanh tay” bốc những quân bài (Uta=thơ ca, karuta = Carte) có in câu dưới của bài thơ trong Hyakunin Isshu là thắng cuộc. Người Nhật hầu như ai cũng biết bài (tạm gọi là) Thu Ca này vì nó có trên một trong 100 quân bài của trò chơi đó. Khi giám khảo ngâm câu trên trong *yomifuda* tức quân bài để đọc thì phải biết mà bốc quân bài có ghi câu dưới trong *torifuda* tức là quân để bốc. Đây là một trò chơi tao nhã rất phổ biến trong quần chúng vào dịp Tết nhất cho đến tận giờ.

Sách đã dẫn (Kokin Waka Shuu, bản Chuo Koron) cho rằng câu đầu và câu thứ hai không xác định nai hay là người đập trên lá (đỏ chứ không phải vàng vì Momiji chữ Hán viết là Hồng Diệp tức là lá màu đỏ của cây phong vào Thu). Có lẽ là cả hai nhưng cái mơ hồ đó làm tăng thi vị. Hơn nữa, nai của ông Lưu nên thơ hơn vì không kêu để gọi nai cái (hay gọi đàn) như nai Nhật mà chỉ im lặng, ngơ ngác đập lá vàng khô.

Không riêng Lưu Trọng Lư, Huy Cận cũng đã viết:

*Nai con gót lẩn trong mù,
Xuống rừng nẻo thuộc nhìn thu mới về.*

Nai và Mùa Thu là một chủ đề thường thấy trong tập Kokin Waka-Shuu này nhưng bên Tàu thời ấy (Đường) cũng có những bài thi vị dính líu xa gần với nai và núi vắng như Lộc Sài của Vương Duy :

*Không sơn bất kiến nhân
Đàn văn nhân ngữ hương
Phân cảnh nhập thâm lâm
Phục chiếu thanh đài thượng*

Theo người thân tôi ở Paris cho biết thì sau khi nghe Nguyễn Vỹ “kết tội”, Lưu Trọng Lư đã giãy nảy lên “Nhưng bài thơ tao còn có chinh phu, cô phụ kia mà” vv...Người bạn Paris cho biết thêm là một thân nhân của ông Lư bảo rằng ông ta làm bài thơ nói trên sau khi xem một bức sơn mài có cảnh nai ở trong rừng. Ngoài ra, theo nguồn tin thân cận khác, nhà phê bình văn học Đặng Tiến nói ông Lư đã chịu ảnh hưởng Thu Thanh Phú của Âu Dương Tu. Điều này làm tôi tự hỏi phải chăng một bài Thơ Thu rất hay của một Nhà Thơ Triều Nguyễn là Thu Dạ Lữ Hoài Ngâm của Cụ Đình Nhật Thận, còn có thể là gạch nối giữa Âu Dương Tu và Lưu Trọng Lư chăng ? Vẫn người thân của tôi ở Paris lại nhắc đến Chanson d’Automne, một tác phẩm trứ danh của Pháp mà ai cũng nằm lòng từ lúc ngồi trên ghế Trường Trung Học. Thơ viết về Mùa Thu nhiều lắm. Thế thì, ông Lư sanh sau để mượn này lấy cảm hứng ở đâu để viết Tiếng Thu đây ?

Khi tôi có dịp may gặp Nhà Thơ Xuân Diệu ở Paris một vài năm trước khi ông mất và có hỏi: Thế bác viết:

*Tuổi học trời xa, Huế cũng đi,
Mấy bài thơ cũ thật tiên tri.
Bạc vàng thuở trước nên ông cả,
Gái nhỏ khi nào thoát dẫy thì.*

Có lấy cảm hứng từ hai câu:

*Đông học thiếu niên đa bất tiện
Ngũ Lăng cừ mã tự khinh phi*

không ? (vì Xuân Diệu rất sành Thơ Đường: Con ông Đồ Nghệ, đã viết những bài như Nhị Hồ, đã dịch và vác ba lô đi nói chuyện về Thơ Đường khắp nơi) thì được ông trả lời “Không. Có thể đó là cái hồn thơ nho nhỏ của “thằng” Xuân Diệu đã gặp được cái hồn thơ vĩ đại của Cụ Đỗ Phủ ở chỗ nào đó thôi”.

Cho nên chuyện ông Lưu Trọng Lư có biết bài thơ Nhật kia không thì không quan trọng. Trước hết ông Lư có đủ tài để làm thơ hay như khi ông viết về mùa Hạ:

*Tôi nhớ mẹ tôi thuở thiếu thời,
Lúc người con sống tôi lên mười.
Mỗi lần nắng mới gieo ngoài nội,
Áo đỏ người đem trước dậu phơi.*

Hay mùa Đông :

*Em chỉ là người em gái thôi,
Người em sâu mộng của muôn đời
Tình em như tuyết giăng đầu núi,
Vàng vạc muôn thu nét tuyết vơi.*

Thì có gì mà chẳng làm được một bài thơ hay về Mùa Thu, cũng hay như Văn Thơ Sầu Rụng nói về mùa Xuân với “những ngày lạnh rớt gió vèo trong cây”.

Cái quan trọng ở đây là ông Lư đã đề ra được cái hình ảnh “con nai vàng ngơ ngác”. Nếu ông lấy cảm hứng từ Thơ Nhật thì Thi Nhân Waka nào đó phải còn phải cảm ơn Lưu Trọng Lư nữa, vì dù có mô phỏng cổ nhân, ông đã đưa Hồn Thơ Nhật Bản đến cho người Việt Nam. Cũng như Nguyễn Khuyến đã đem Thu Hứng của Đỗ Phủ vào Thơ Việt khéo đến nỗi người ta khó lập ra quan hệ “liên văn bản” giữa:

*Mấy chùm trước dậu hoa năm ngoái (Nguyễn Khuyến)
Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ (Đỗ Phủ)*

Phải tinh ý lắm mới nhận ra. Hơn nữa, ông Lư cũng đã đem vào bài thơ này một chủ đề Mùa Thu khác như Mùa Thu của chờ mong thường thấy trong Văn Học Trung Hoa, Việt Nam và cả Nhật Bản (rạo rục, chinh phu, cô phụ) như ông đã nói rất đúng. Ngoài ra, cái độc đáo của ông là lối đặt câu hỏi (không nghe ?), tiếng động Mùa Thu (thỏ thức, xào xạc) như Tiếng Thu mà Âu Dương Tu, Văn Nhân đời Tống đã bắt gặp giữa một đêm mất ngủ trong

Thu Thanh Phú, hay linh hồn réo rắt của làn gió Thu nghe như tiếng vĩ cầm trong Chanson d'Automne của Paul Verlaine (1844-1896):

*Les sangots longs
Des violons
De l'automne
Blessent mon coeur
D'une langueur monotone...*
Chưa hết.

Tôi nghĩ Mùa Thu đã nhập vào hồn thơ nhân loại. Thi ca toàn cầu hóa trước khi kinh tế bắt đầu vượt biên giới quốc gia. Mới đây, tôi lại thấy người Trung Quốc dịch bài Waka chủ đề Thu Ca này sang tiếng Trung và một Giáo Sư Nhật Bản dịch Thơ Lưu Trọng Lư sang tiếng Nhật. Vậy xin chép lại cả hai bài thơ dịch để quý độc giả thưởng thức.

Bài Waka dịch ra tiếng Trung với nhan đề Thâm Sơn Hồng Diệp, Đàn Khả dịch (Nhật Bản Cổ Thi Nhất Bách Thủ (Riben Gushi Yibai Shou) do nhà Xuất Bản Văn Học Ngoại Quốc, Bắc Kinh in năm 1985. Theo Đàn Khả, dựa trên bài tựa bằng chữ Hán của Kokin Shuu do Ki no Yoshimochi (Kỷ Thục Vọng), bài thơ này do Otomo no Kuronushi (Đại Hữu Hắc Chủ), Thi Nhân khoảng tiền bán thời Heian (794-1188) viết theo một bài thơ trước đó của Sarumaru Dayu (Viên Hoàn Đại Phu), như đã nói trên, là một nhân vật chưa chắc đã có thực:

*Thâm sơn hồng diệp mãn địa phiêu
Túc đập hồng diệp lộ điều điều
Văn đạo lộc minh thanh ai khổ
Bi cảm phong hàn thu khí cao
Núi sâu lá đỏ rụng đầy
Chân khua xác lá dậm dài về đâu
Nai kêu ai oán gieo sâu
Hơi thu lạnh buốt tầng cao ngập lòng*
(Nguyễn Nam Trân dịch)

Dịch giả giải thích đây là tâm sự của một người đang ở giữa đường đời, như đứng giữa rừng sâu lá đỏ, dưới Trời Thu lạnh lẽo, tiền lộ mịt mù, lạc lõng không biết về đâu. Theo lối dịch này, chỉ có người đập trên lá đỏ và chỉ nghe tiếng nai vọng đến từ xa. Lối dịch thế này không trung thành với nguyên tác cho lắm, nhưng xem ra cũng có một thi vị riêng.

Ngoài ra, vào một buổi chiều trong Thư Viện, tôi nhân tò mò đọc vài trang của quyển sách nhan đề Lối Vào Văn Học Đông Nam Á (Tôn-an-Azia Bungaku no Shotai, Sei-unsha, Tokyo, 2001), thấy trong phần thi văn Việt Nam, Giáo Sư Kawaguchi Ken-ichi đã dịch Tiếng Thu của Lưu Trọng Lư ra Nhật Ngữ như sau:

*Urumu tsuki no shita ni
Kimi wa kikazuya
Susurinaite iru aki wo
Ura wakitsuma no kokoro ni
Kimi wa kikazuya
Senjo ni yukishi otto no omokage e no
Yamigataki omoi wo
Aki no mori ni
Kimi wa kikazuya
Samayou shika ga kareba wo fumu
Sono kasokeki oto wo*
(Aki no oto)

Tuy bản dịch chưa đạt như ý chúng ta muốn nhưng phải nói ông Giáo Nhật này là người có trình độ và phải rõ về cả hai nền văn học vì ít nhất ông là Giáo Sư Việt Ngữ Đại Học Ngoại Ngữ Đông Kinh, chuyên gia văn học. Thế mà chẳng nghe ông gọi ra một câu hỏi nhỏ

về khả năng của nguồn cội Waka bài Tiếng Thu khi ông dịch nó qua tiếng nước ông. Điều đó chứng tỏ Lưu Trọng Lư, nói đại là có chịu ảnh hưởng bài Waka chẳng nữa, đã thành công vì “che mắt” được cả Giáo Sư Văn Chương kia.

Để kết luận, tuy phân tích của Nguyễn Vỹ rất cần cho nghiên cứu văn học nhất là văn học đối chiếu nhưng nếu thế, lập luận của ông cần phải có thêm chứng cứ có tính khoa học và khách quan hơn, nhất là khi luận điểm đó đã bị chính tác giả phủ nhận. Riêng ở cương vị một người thường thức, tôi lại muốn đồng ý với Xuân Diệu khi họ Ngô viết (lâu ngày quên đích xác thế nào):

*Ai đi phân tích một làn hương
Hay bản cầm ca,
Tôi chỉ mơ, tôi chỉ thương, chỉ chuỗi theo dòng ảo tưởng
Như thuyền ngư phủ lạc trong sương.
Mà tôi nghĩ thích hợp cho bài Tiếng Thu này.
Tôkyô, 4/2004, một ngày nắng nhưng nhiều gió.*

Nguyễn Nam Trân

PHỤ LỤC:

NGUYỄN VỸ

Có một lần ở tại nhà trọ của Lưu ở Phố Hàm Long, tôi cười hỏi Lưu Trọng Lư:

- Lưu ơi, Bài Thơ Tiếng Thu có phải thật của cậu không ?

Có Nguyễn Xuân Huy ngồi đấy, Lưu “cười như nắc nẻ”:

- Thăng này mơ mộng thật! Mi tưởng bài đó của Thế Lữ à ?

- Thế Lữ làm gì nổi 1 bài thơ như thế. Nhưng tao có đọc một bài thơ của một Thi Sĩ Nhật Bản, giống hệt bài thơ của mày, và bài thơ Nhật cũng tựa đề là Tiếng Thu.

Lưu Trọng Lư ngó Xuân Huy:

- Huy, mày thấy thăng Vỹ nó điên không ?

Huy bảo tôi:

- Mày muốn chép tao đọc cho chép. Đây là một bài Tanka nổi tiếng:

Oku yama ni

Monoji fumi wake

Naku zhika no

Koe kiku toki zo

Aki wa kanashiki

Tác giả là Sarumaru, Thế Kỷ VIII.

Bài thơ này, Michel Revon có dịch ra Pháp Văn trong quyển Anthologie des poètes japonais (Ed-Hachette)

Combien triste est l'automne

Quand j'entends la voix

Du cerf qui brame

En foulant et dispersant les feuilles des érables

Dans les profondeurs de la Montagne.

Karl Petit, trong quyển La poésie japonaise (Ed-Seghers) lại dịch đảo ngược lại, nhưng đúng theo nguyên văn Bài Thơ Nhật:

Aux profondeurs de la Montagne

Ecartant et foulant les feuilles d'érables

Le cerf brame

Et à l'entendre ainsi

Ah! Que l'automne m'est lourdement triste!

Dịch đúng nghĩa ra Việt Văn:

Trong núi rừng sâu

Ta nghe tiếng xào xạc

Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá bàng khô
Ôi buồn làm sao!

Lưu Trọng Lư cãi liền:

- Bài tao còn đoạn trên: Hình ảnh kẻ chinh phu. Trong lòng người cô phụ.

Tôi cười:

- Cậu làm bài thơ này hồi năm nào ?

- Mới đây.

- Mới đây, và mấy năm nay trong nước mình làm gì có cuộc chiến tranh, có ‘‘kẻ chinh phu’’, có ‘‘người cô phụ ?’’ Tôi cho rằng việc cậu ghép thêm 3-4 câu đó vào Bài Thơ của Saramaru để thay đổi đôi chút, nhưng cậu lại lấy trọn vẹn bản chính của Saramaru.

Lưu Trọng Lư không cãi nữa, nhưng Nguyễn Xuân Huy cười:

- Kết luận: Les grands esprits se rencontrent!

(Trích từ ‘‘Nguyễn Vũ-Văn Thi Sĩ Tiên Chiến’’, NXB Hội Nhà văn in lại, 1994)

TRẦN ĐĂNG KHOA:

CÓ PHẢI BÀI THƠ TIẾNG THU, LƯU TRỌNG LƯ SAO CÓP CỦA NƯỚC NGOÀI ?

Người đầu tiên vu cho Lưu Trọng Lư cái việc làm rất không lấy gì làm đẹp này là Ông Nguyễn Vũ trong cuốn ‘‘Văn Thi Sĩ Tiên Chiến’’. Cứ như Ông Nguyễn Vũ thì Tiếng Thu chính là bài Tanka của Thi Sĩ Nhật Bản nổi tiếng Sarumaru ở Thế Kỷ VII. Nguyên văn bài Tanka thế này:

Oku yama ni
Monoji fumi wake
Naku shika no
Koe kiku zo
Aki wa kanashiki

Cũng theo Nguyễn Vũ, Bài Thơ này được hai Nhà Thơ Pháp dịch sang tiếng Pháp. Bản của Michel Revon in trong cuốn Anthologie des poètes japonais (Ed.Hachette) nguyên văn như sau:

Combien triste est l’automne
Quand j’entends la voix
Du serf qui brame
En foulant et dispersant les feuilles des érables
Dans les profondeurs de la Montagne
Mùa Thu buồn làm sao
Khi tôi nghe tiếng
Của con hươu đực thê lên (rền rĩ, kêu trong mùa giao phối)
Làm tung tóe và dẫm lên những chiếc lá thích
Trong những nơi sâu thẳm của núi.

Bản dịch thứ hai là của Nhà Thơ Karl Petit, in trong cuốn La poésie japonaise (Ed.Seghers) mà theo Ông Nguyễn Vũ là đã dịch đảo ngược, nhưng lại đúng với nguyên văn bản tiếng Nhật:

Aux profondeurs de la Montagne
Ecartant et foulant les feuilles d’érables
Le cerf qui brame/Et à l’entendre ainsi
Ah! que l’automne m’est lourdement triste!
Ở những nơi sâu thẳm của Núi
Làm tung tóe và dẫm lên những chiếc lá thích
Con hươu đực thê lên (rền rĩ, kêu trong mùa giao phối)
Và nghe thấy điều đó như thế

Chao ôi, mùa Thu với tôi buồn nặng trĩu.
Còn bài Tiếng Thu của Lưu Trọng Lư thì nguyên văn như thế này:
Em không nghe mùa Thu
Dưới trăng mờ thôn thức
Em không nghe rạo rục
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ
Em không nghe rùng Thu
Lá Thu kêu xào xạc
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô.

Tất cả là như vậy đấy. Mới hay Tiếng Thu của Lưu Trọng Lư và bài Tanka Nhật của Sarumaru là hai tác phẩm hoàn toàn khác nhau. Chúng chẳng có họ hàng gì với nhau cả. Vậy mà suốt nửa thế kỷ nay, người ta cứ a dua nhau, người nọ nói theo người kia, cho rằng Lưu Trọng Lư đã sao chép của nước ngoài. Cái nghi án văn chương rất oan khuất ấy cứ bám riết lấy Lưu Trọng Lư cả cho đến khi ông đã nằm dưới 3 thước đất. Người khảo sát văn bản này, nhà phê bình trẻ Hoàng Xuân Tuyền, dù có giỏi tiếng Nga và biết tiếng Pháp, nhưng để thận trọng hơn, anh đã tìm đến Nhà Thơ Tế Hanh nhờ thẩm định lại. Tế Hanh rất giỏi tiếng Pháp, ông đã dịch nhiều thơ thế giới qua tiếng Pháp, cũng là người cùng thời với Lưu Trọng Lư. Tế Hanh đã kinh ngạc kêu lên: ‘‘Ô lạ nhỉ. Bài thơ này chẳng có liên quan gì đến Tiếng Thu. Sao lại đổ vấy cho anh Lư sao chép?’’. Sở dĩ có nghi án ấy là vì Nguyễn Vỹ. Sau khi phê phán Lưu Trọng Lư lấy Thơ Nhật Bản, Nguyễn Vỹ đã đưa ra bằng cứ là bản dịch của mình, nhưng thực ra Nguyễn Vỹ đâu có dịch, ông lấy luôn bài thơ Tiếng Thu tráo vào rồi kêu ầm lên là bắt được kẻ gian, những người nhẹ da, u mê tin theo thì chúng ta chẳng trách làm gì, nhưng những Nhà Thơ từng giỏi tiếng Pháp, những Nhà Phê Bình nghiên cứu có tiếng là uyên thâm, cũng tin theo, rồi lẳng nhẳng nói theo, mà cứ nói đi nói lại mãi. Đây mới thực sự là chuyện lạ ở thời đại bùng nổ thông tin này.